

Bản án số: 120/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2026

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Tuấn Hải

Ông Trần Hoàng Mến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang tham gia phiên tòa: bà Thị Kim Lài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 142/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 22/3/1994 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã H, tỉnh C.

Bị đơn: ông Trần Hữu C1, sinh ngày 24/6/1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã Đ, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 06/01/2026, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C như sau:

Bà Kim C và ông Trần Hữu C1 quen nhau vào đầu năm 2018, sau thời gian tìm hiểu thì hai người có tình cảm và quyết định tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2018, ông bà không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh K vào ngày 14/8/2023. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì bắt đầu mâu thuẫn nguyên nhân là do hai người không hợp, bất đồng ý kiến, không tìm được tiếng nói chung và đã được gia đình hai bên hòa giải

nhưng vẫn không cải thiện được nên ông bà đã ly thân từ năm 2024 đến nay. Trong thời gian ly thân, bà Kim C cũng suy nghĩ rất kỹ là không thể tiếp tục hàn gắn hôn nhân được nữa vì bà không còn tình cảm với ông C1 nên bà quyết định ly hôn với ông C1.

Quá trình sống chung với ông C1, ông bà có một người con chung tên Trần Thiên T, sinh ngày 06/5/2021 sống với ông C1 từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Bà Kim C xác định bà và ông C1 không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân bà C yêu cầu được ly hôn với ông Trần Hữu C1. Về con chung bà C đồng ý giao con chung tên Trần Thiên T, sinh ngày 06/5/2021 cho ông C1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; bà C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung không có nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà C không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

* Đối với bị đơn ông Trần Hữu C1 không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng ông C1 không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Tuyên xử về hôn nhân chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Kim C được ly hôn với ông Trần Hữu C1. Về con chung giao con chung tên Trần Thiên T, sinh ngày 06/5/2021 cho ông C1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; bà C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu ly hôn với ông Trần Hữu C1. Bị đơn là ông Trần Hữu C1 có địa chỉ đăng ký thường trú tại ấp X, xã Đ, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xác định quan hệ pháp luật “ly hôn” và thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trần Hữu C1 với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng ông C1 vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Minh C2 và ông Trần Hữu C1 tự quen biết vào đầu năm 2018, tìm hiểu được thời gian thì ông bà có tình cảm với nhau và ông bà tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2018, ông bà không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh K vào số 136 ngày 14/8/2023, cho nên theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà C2 là bà có nguyện vọng được ly hôn với ông C1 lý do hai người không hợp, bất đồng ý kiến, không tìm được tiếng nói chung và đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vẫn không cải thiện được nên ông bà đã ly thân từ năm 2024 đến nay. Trong thời gian ly thân, bà Kim C cũng suy nghĩ rất kỹ là không thể tiếp tục hàn gắn hôn nhân được nữa vì bà không còn tình cảm với ông C1 nên bà quyết định ly hôn với ông C1. Tòa án đã tiến hành thông báo mời hòa giải động viên nhằm tạo điều kiện cho hai bên hàn gắn lại hôn nhân nhưng ông C1 không có mặt nên không thể tiến hành hoà giải được. Tại phiên tòa, bà C và ông C1 cũng không gặp và bà C vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông C1 vì bà không còn tình cảm yêu thương dành cho ông C1. HĐXX thấy rằng, do ông bà đã không tìm hiểu kỹ tính tình của nhau nên sau thời gian chung sống giữa bà C và ông C1 xảy ra mâu thuẫn và ông bà đã tự ly thân từ năm 2024 đến nay, từ đó không còn duy trì được tình yêu thương dành cho nhau nên dẫn đến tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Kim C là phù hợp.

[2.3] Về con chung: Bà C khai trong quá trình sống chung với ông C1, ông bà có một người con chung tên Trần Thiên T, sinh ngày 06/5/2021. Bà C cho rằng bé Thiên T do ông C1 nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân từ năm 2024 đến nay nên bà C đồng ý giao Trần Thiên T, sinh ngày 06/5/2021 cho ông C1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giao con Trần Thiên T, sinh ngày 06/5/2021 cho ông C1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp thực tế, đúng quy định pháp luật.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: bà C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 15/5/2026 là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: bà C xác định không có nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[3] Đối với bị đơn ông Trần Hữu C1, Tòa án tiến hành thẩm tra, xác minh cho thấy ông C1 có đăng ký thường trú tại ấp X, xã Đ, tỉnh A nhưng ông C1 vắng mặt ở nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về và không xác định được địa chỉ nơi cư trú mới. Tòa án căn cứ Điều 175, Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông C1 theo quy định nhưng ông C1 vẫn vắng mặt không có lý do và ông C1 cũng không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến và yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà C cho Tòa án nên HĐXX không thể xem xét nguyện vọng của ông.

[4] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: bằng 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng), bà C phải nộp do bà có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 175, Điều 177, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Kim C được ly hôn với ông Trần Hữu C1.

2. Về con chung: Giao Trần Thiên T, sinh ngày 06/5/2021 cho ông Trần Hữu C1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Bà C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông bà có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: bà Nguyễn Thị Kim C cấp dưỡng nuôi con tên Trần Thiên T, sinh ngày 06/5/2021 mỗi tháng 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi đủ 18 tuổi; thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 15/5/2026.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng: bà Nguyễn Thị Kim C phải nộp án phí là 600.000đồng (sáu trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà C đã nộp theo biên lai thu số 196 ngày 13/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, bà C tiếp tục nộp thêm án phí 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 28/4/2026. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9, Điều 7, Điều 7a, 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS khu vực 5 – An Giang;
- THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Danh Thị Kiều Oanh

